

Số: 31/QĐ-GĐ

Hải Phòng, ngày 21 tháng 05 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giá dịch vụ tại VIP GREENPORT

- Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.
- Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 và Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư số 54/2008/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao Thông Vận Tải Ban hành ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế thị trường.
- Xét đề nghị của phòng Thương vụ.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này **Biểu phí và giá dịch vụ điều chỉnh** áp dụng đối với các dịch vụ phát sinh tại bãi cảng của Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP - VIP GREENPORT

Điều 2: Biểu giá dịch vụ khác không có trong quyết định này vẫn được áp dụng theo biểu phí và giá dịch vụ nội địa và quốc tế hiện hành của VIP GREENPORT.

Điều 3: Giá quy định tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Việc tính thuế giá trị gia tăng sẽ căn cứ theo quy định hiện hành của Nhà nước để thực hiện.

Điều 4: Các ông Phó giám đốc, trưởng các đơn vị, phòng liên quan căn cứ quyết định thi hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có tác nghiệp phát sinh ngoài biểu giá, các đơn vị báo cáo xin ý kiến Giám đốc để thực hiện.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực từ ngày **01/06/2021** và thay thế các văn bản trước đây trái với quyết định này.

Nơi nhận:

- HĐQT để báo cáo
- Phó GD
- Các phòng ban liên quan
- Lưu TV - TCTH

Đồng kính gửi:

- Sở TC Hải Phòng (để b/c)



Giám đốc

Cáp Trọng Cường



BIỂU CƯỚC PHÍ VÀ GIÁ DỊCH VỤ ĐIỀU CHỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-GĐ ngày 21/05/2021)

Mã số	Dịch vụ	Đơn vị tính phí/ cước	Đơn Giá	Sử dụng dịch vụ
9	Xếp dỡ (nâng/hạ) container CY ↔ Ô tô - Container 20' - Container 40' - Container 45' - Container lạnh - DG/FR/OT/OOG Container	VND/Container	Có hàng 620.000 840.000 920.000 +50% +50% Rỗng 440.000 620.000 670.000 +50% +50%	Chủ hàng/ Người nhận hàng
13	Kiểm hóa/giám định/ kiểm dịch/hun trùng container	VND/Container	930.000/ 1.340.000/ 1.340.000 +100%	Chủ hàng/ Người nhận hàng
13.1	Kiểm hóa/ Giám định/ Kiểm dịch - Container 20'/ 40'/ 45' - Container lạnh			
13.2	Hun trùng - Container 20'/ 40'/ 45'		1.510.000/ 2.140.000/ 2.140.000	
13.3	Nâng hạ vận chuyển kiểm hóa bằng máy soi - Container 20'/ 40'/ 45' - Container lạnh		1.400.000/ 2.010.000/ 2.010.000 +50%	
13.4	Phục vụ soi container (không phân biệt loại container; không bao gồm nâng/hạ, đóng/rút, vận chuyển)		200.000	
14	Kiểm tra container lạnh (P.T.I) - Container 20'/ Container ≥40'	VND/Container	740.000/1.060.000	C/O
15	Khảo sát container - Kiểm tra chụp ảnh container - Kiểm tra chụp ảnh container có phục vụ nâng hạ (Container 20'/ 40'/ 45')	VND/Container	50.000 680.000/ 980.000/ 980.000	Theo yêu cầu

Mã số	Dịch vụ	Đơn vị tính phí/ cước	Đơn Giá	Sử dụng dịch vụ
18	Phí lưu bãi xe ô tô	VND/xe/ngày		Chủ hàng/ Người nhận hàng
18.1	Xe ô tô đóng rút từ container để lại bãi cảng - 02 ngày đầu - 02 ngày tiếp theo - Từ ngày thứ 05 đến ngày thứ 07 - Từ ngày thứ 08 trở đi			
18.2	Xe ô tô vận chuyển container soi chiếu tại Cảng, phát sinh neo đậu trong cảng qua đêm - 05 ngày đầu - Từ ngày thứ 06 trở đi			
18.3	Xe ô tô của Chủ hàng vào Cảng nhận hàng xong mà không rời khỏi Cảng ngay - 05 ngày đầu - Từ ngày thứ 06 trở đi			
			60.000 90.000 150.000 300.000 250.000 500.000 660.000 1.320.000	

